

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Khánh Hội
2. Ông Lý Quốc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm: 1980, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm: 1979, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Hồng P kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 129/2002, ngày 27/12/2002. Quá trình chung sống bà và ông P cũng có hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên đến đầu năm 2020 thì bà và ông P phát sinh mâu thuẫn do bà, ông P thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà đã nhiều lần tìm cách dàn

xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, hiện ông bà đã sống ly thân được 10 tháng. Do đó, bà T xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn.

Con chung: Quá trình chung sống bà và ông P có 03 người con chung là Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 1998 (giới tính: Nữ) đã trưởng thành; Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 2004 (giới tính: nữ) và Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 2011 (giới tính: nữ). Hai con chung chưa thành niên đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng P mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn ông Nguyễn Hồng P đã được tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hồng P.

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa vào năm 2002 đúng với quy định của Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà T và ông P tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông P vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Hơn nữa, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông P. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P đã trầm trọng, đời sống chung hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Dương Thị T đối với ông Nguyễn Hồng P.

[3] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 2004 (giới tính: nữ) và Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 2011 (giới tính: Nữ). Ông P không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T. Xét thấy, con chung đang sống với bà T, được bà T chăm sóc và có cuộc sống ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”, Hội đồng xét xử giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét bà T tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng P.

Quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

[2] Con chung: Giao cho bà Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 2004 (giới tính: nữ) và Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 2011 (giới tính: Nữ). Ông Nguyễn Hồng P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha,

mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000081 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi